

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.
2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị S, sinh năm 1984 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Đồng địa chỉ: thôn M, xã B, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Mai Thị S trình bày:

Bà với ông Nguyễn Anh T kết hôn tự nguyện vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT vào ngày 06/5/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do ông T có quan hệ ngoại tình với người khác còn rệu rã về chữ mắng, đánh đập bà nhiều lần. Bà đã bỏ qua nhiều nhưng ông T không sửa đổi mà vẫn tính nết tặc tày. Mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt quan hệ với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/6/2004. Con đã trưởng thành, khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết (ban đầu bà có yêu cầu Tòa phân chia tài sản chung nhưng sau khi Tòa án định giá tài sản thì bà rút yêu cầu). Chi phí định giá (3.000.000đ) thì bà tự nguyện chịu.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Ông thống nhất với bà Mai Thị S trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Theo ông vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng mâu thuẫn trong việc tiền bạc, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nhưng ông xét thấy vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà S.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/6/2004, con đã trưởng thành, khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Khi Tòa làm việc bà Son yêu cầu chia tài sản chung thì ông cũng thống nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án cơ bản là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vẫn còn một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị S được ly hôn ông Nguyễn Anh T. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/6/2004. Con chung đã trưởng thành, khi ly hôn đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản, bị đơn không đến Tòa làm đơn yêu cầu, không nộp tạm ứng án phí, đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung. Chi phí định giá: Bà S tự nguyện chịu 3.000.000đ. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn là ông Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị S và ông Nguyễn Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện T1, tỉnh Bình Định vào ngày 06/5/2003 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi, xúc phạm nhau; bà S còn nghi ngờ ông T ngoại tình. Bà S đã cố gắng tiếp tục chung sống nhưng tình hình không tiến triển. Mâu thuẫn kéo dài mà không được giải quyết nên tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã cắt đứt quan hệ với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà S yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng ông T vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; bà S vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên việc ông T không chấp nhận ly hôn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: bà S và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/6/2004. Con chung đã trưởng thành, khi ly hôn các bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: bà S không yêu cầu Tòa giải quyết; ông T không đến Tòa làm đơn yêu cầu, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản, nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm; chi phí định giá:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Mai Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007395 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà S đã nộp đủ án phí.

Chi phí định giá: bà Mai Thị S tự nguyện chịu 3.000.000đ (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị S:

- Về hôn nhân: Bà Mai Thị S được ly hôn ông Nguyễn Anh T.

Bác yêu cầu không chấp nhận ly hôn của ông T vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Mai Thị S và ông Nguyễn Anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/6/2004 - đã trưởng thành; khi ly hôn các bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung.

2. Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Mai Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007395 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà S đã nộp đủ án phí.

- Chi phí định giá: Bà Mai Thị S tự nguyện chịu 3.000.000đ (đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam